**PHỤ LỤC 1**

**Nhiệm vụ và giải pháp triển khai Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025**

*(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày / /2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)*

| **STT** | **Nội dung** | **Chủ trì** | **Phối hợp** | **Thời gian** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **Thông tin tuyên truyền** |
|  | Tổ chức thông tin, tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, báo, đài, Cổng thông tin điện tử, mạng xã hội về các nội dung của Chương trình, tình hình thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh | Sở Thông tin và Truyền thông | - Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;- Báo Đắk Nông;- Cổng Thông tin điện tử tỉnh. | Thường xuyên |
|  | Phổ biến kiến thức, kỹ năng sử dụng các dịch vụ viễn thông công ích trong khuôn khổ Chương trình trên địa bàn tỉnh | Các doanh nghiệp viễn thông | - Sở Giáo dục và Đào tạo;- Sở Y tế. | Thường xuyên |
|  | **Xác nhận đối tượng được hỗ trợ dịch vụ viễn thông công ích** |
|  | Tổ chức rà soát, tổng hợp danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, gia đình chính sách xã hội và các đối tượng khác phục vụ công tác xác nhận đối tượng được hỗ trợ | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Theo kỳ rà soát theo quy định |
|  | Định kỳ cung cấp cho Sở Thông tin và Truyền thông danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ đã đưa ra khỏi hộ nghèo, hộ cận nghèo sau khi rà soát trong năm theo quy định (nếu có) | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Hàng tháng nếu có phát sinh |
|  | Hướng dẫn cấp Giấy chứng nhận hoặc bản sao Giấy chứng nhận (có chứng thực) cho hộ gia đình đang là hộ nghèo, hộ cận nghèo để được Chương trình hỗ trợ sử dụng dịch vụ viễn thông công ích theo quy định | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố | Thường xuyên |
|  | Tổ chức kiểm tra và xác nhận các danh sách đối tượng được hỗ trợ, đảm bảo đúng đối tượng hỗ trợ theo quy định về danh mục, đối tượng thụ hưởng, phạm vi, giá cước sử dụng và mức hỗ trợ tại Chương trình | Sở Thông tin và Truyền thông | - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;- Sở Giáo dục và Đào tạo;- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố. | Khi có đề nghị xác nhận |
|  | Cập nhật danh sách các đối tượng được hỗ trợ khi có phát sinh hỗ trợ mới, ngừng hỗ trợ hoặc thay đổi định mức hỗ trợ theo quy định | Các doanh nghiệp viễn thông |  | Hàng tháng |
|  | **Tiếp nhận và phân bổ máy tính bảng, điện thoại thông minh của Chương trình** |
|  | Xét chọn và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Danh sách hộ gia đình được phân bổ máy tính bảng, điện thoại thông minh | Sở Thông tin và Truyền thông | - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;- Sở Giáo dục và Đào tạo. | Khi có Quyết định phân bổ cho địa phương của Bộ Thông tin và Truyền thông |
|  | Tiếp nhận và phân bổ máy tính bảng, điện thoại thông minh theo Quyết định của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc phân bổ của Chương trình cho địa phương đảm bảo công khai, minh bạch theo quy định | Sở Thông tin và Truyền thông | - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;- Sở Giáo dục và Đào tạo;- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;- Các đơn vị có liên quan. | Khi có Quyết định phân bổ cho địa phương của Bộ Thông tin và Truyền thông |
|  | **Giám sát việc triển khai thực hiện Chương trình** |
|  | Phối hợp tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình tại các địa phương và doanh nghiệp tham gia thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh khi có yêu cầu của các cơ quan có thẩm quyền | Sở Thông tin và Truyền thông | - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;- Sở Giáo dục và Đào tạo;- Sở Y tế;- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;- Các Sở, Ban, Ngành có liên quan.- Các doanh nghiệp có liên quan. | Khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc Kế hoạch hàng năm |
|  | Định kỳ thành lập đoàn kiểm tra, giám sát kết quả triển khai thực hiện Chương trình tại các địa phương | Sở Thông tin và Truyền thông | - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;- Sở Giáo dục và Đào tạo;- Sở Y tế;- Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố;- Các Sở, Ban, Ngành có liên quan. | Hàng năm |

Danh sách gồm: 4 nhóm nhiệm vụ./.